

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-PT
Ngày: 28 - 9 - 2023
“V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dũng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2023/QĐ-PT ngày 31/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2023/QĐ-PT ngày 13/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1; địa chỉ trụ sở: số B đường T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Vũ Đình K – Chức vụ Phó tổng giám đốc (Theo văn bản ủy quyền số: 359/2018/UQ-SeaBank ngày 20/4/2018).

* *Người được ủy quyền lại của ông Vũ Đình K là:*

+ Ông Đặng P – Giám đốc xử lý nợ Khu vực miền trung – Ngân hàng TMCP Đ1;

+ Dương Văn Đ – Chuyên viên chính tổ tụng xử lý nợ Miền trung - Ngân hàng TMCP Đ1;

Cùng địa chỉ: số C đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông Nguyễn Công T1 – Chuyên viên chính xử lý nợ Miền trung - Ngân hàng TMCP Đ1;

+ Ông Vũ Tấn D – Chuyên viên xử lý nợ Miền trung - Ngân hàng TMCP Đ1;

Cùng địa chỉ: số A đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền số 4618A/2020/UQ-SeABank ngày 08/4/2020).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Â – sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1970; cư trú tại xóm E, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C:* Ông Nguyễn Quốc Â - sinh năm 1968; cư trú tại xóm E, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2020).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Văn N – sinh năm 1991;

3.2. Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1989;

3.3. Cháu Nguyễn Thị Thùy L1 – sinh năm 2013;

3.4. Cháu Nguyễn Văn T2 – sinh năm 2016;

* *Người đại diện theo pháp luật của cháu L1, cháu T2:* Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L là cha mẹ đẻ của các cháu.

Cùng cư trú tại xóm E, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.5. Anh Nguyễn Đình N1 – sinh năm 1990;

* *Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đình N1:* Anh Nguyễn Văn N – sinh năm 1991; cư trú tại xóm E, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2022).

3.6. Chị Lê Thị Hồng T3 – sinh năm 1993;

Cùng cư trú tại số I đường T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.7. Ông Châu Hồng Q – sinh năm 1970; cư trú tại thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người làm chứng:* Ông Đặng Văn H (tên gọi khác: Nhiên); cư trú tại xóm E, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C là bị đơn và anh Nguyễn Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Ông Nguyễn Công T1, ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C có mặt; anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đình N1, chị Lê Thị Hồng T3, ông Châu Hồng Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 do ông Nguyễn Công T1 người đại diện theo ủy quyền, trình bày:*

Ngày 14/10/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh Q1 (sau đây gọi là Ngân hàng) cho ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh mua bán phụ tùng xe máy theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1528600059/HĐTD-TDH.

Để bảo đảm nợ vay, ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 10, diện tích 211m² và nhà ở gắn liền với đất tại xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 2080), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 476121, số vào sổ cấp GCN: CH 00510 do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 09/02/2011 đứng tên ông Nguyễn Quốc Â tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF 1528600059/HĐTC-QSDĐ ngày 14/10/2015. Do ông Â, bà C vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (viết tắt là TAND thành phố Quảng Ngãi), ngày 29/6/2018 ông Â, bà C đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tất toán số tiền còn nợ là 355.140.000 đồng cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện, sau đó TAND thành phố Quảng Ngãi đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự tại Quyết định số 44/2018/QĐST-DS ngày 26/7/2018.

Ngày 29/6/2018, Ngân hàng tiếp tục cho ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C vay số tiền 370.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 29/6/2018 đến ngày 29/6/2028, kỳ hạn trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng, lãi suất cho vay hiện tại là 10%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần vào đầu mỗi quý được xác định như sau: Lãi suất VNĐ kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ với khách hàng cá nhân + Biên độ lãi suất tối thiểu 3,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nợ vay, ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C tiếp tục thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 2080 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF 1528600059/HĐTC-QSDĐ ngày 14/10/2015, đồng thời quyền sử dụng đất thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 14/10/2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi

nhánh thành phố Q1 và Giấy cam kết áp dụng cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 31/5/2018.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C số tiền vay bằng hình thức chuyển khoản số tiền vay là 370.000.000 đồng vào tài khoản số 432.000.14657682 của ông Châu Hồng Q theo Giấy nhận nợ ngày 29/6/2018. Tính đến ngày 25/10/2018, ông Á, bà C mới chỉ trả cho Ngân hàng 18.304.709 đồng (trong đó nợ gốc: 9.307.441 đồng, nợ lãi là 8.997.268 đồng), sau đó ông Á, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Á, bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng ông Á, bà C không thực hiện. Tính đến ngày 28/3/2023 ông Á, bà C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 610.434.029 đồng, trong đó: Nợ gốc là 360.692.559 đồng, nợ lãi trong hạn là 150.001.868 đồng, lãi quá hạn là 99.739.602 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 28/3/2023 số tiền 610.434.029 đồng, trong đó: Nợ gốc là 360.692.559 đồng, nợ lãi trong hạn là 150.001.868 đồng, lãi quá hạn là 99.739.602 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/3/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Á, bà C không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Á, bà C là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 2080 để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Á, bà C phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2020 các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C do ông Nguyễn Quốc Á đại diện trình bày:*

Ông, bà thông nhất như Ngân hàng trình bày về việc ngày 14/10/2015, Ngân hàng cho ông, bà vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh mua bán phụ tùng xe máy theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1528600059/HĐTD-TDH. Ông, bà đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 2080 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 476121, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00510 do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày

09/02/2011 đứng tên ông Nguyễn Quốc Ân tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF 1528600059/HĐTC-QSDĐ ngày 14/10/2015.

Đến ngày 29/6/2018, ông Ân, bà C tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH, số tiền 370.000.000 đồng, mục đích vay để sửa chữa nhà. Việc ông, bà đồng ý ký tên trong Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/6/2018 nhằm mục đích bổ sung đối với Hợp đồng tín dụng từng lần REF 1528600059/HĐTD-TDH, khoản tiền vay 370.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/6/2018 là tiền vay từ Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1528600059/HĐTD-TDH ngày 14/10/2015 chuyển sang.

Ông, bà thừa nhận chữ ký trong Hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2018, Hợp đồng thế chấp, giấy nhận nợ ngày 29/6/2018, cam kết tài sản thế chấp là tài sản cá nhân và những giấy tờ về sửa chữa nhà để hợp thức hóa hồ sơ vay tiền đều là của ông, bà nhưng khi ký thì ông, bà không đọc nên không biết nội dung là gì, vì khi Ngân hàng nói ông bà ký giấy tờ để chuyển khoản vay từ năm 2015 sang thì ông, bà tin nên đồng ý ký mà không đọc lại nội dung. Ông, bà cũng không nhận tiền giải ngân từ Ngân hàng mà Ngân hàng tự ý chuyển vào số tài khoản của ông Châu Hồng Q, do đó ông, bà không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng phải yêu cầu ông Q trả số nợ này vì ông Q là người nhận tiền.

Mặt khác, ngôi nhà xây dựng trên thửa 2080 được xây dựng từ tiền của con trai ông, bà là anh Nguyễn Đình N1 và anh Nguyễn Văn N, mỗi người góp 300.000.000 đồng, tổng giá trị ngôi nhà là 600.000.000 đồng. Điều này thể hiện cụ thể tại Văn bản thỏa thuận gia đình ngày 16/4/2010, ông, bà và anh N1, anh N đã thỏa thuận về việc anh N1, anh N bỏ ra số tiền 600.000.000 đồng để xây nhà, nên ông, bà không đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp. Do đó, ông, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Đình N1 trình bày:*

Anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Đình Nghĩa l con của ông Nguyễn Quốc Ân, bà Nguyễn Thị C. Năm 2010, ông Ân, bà C nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Phương diện tích đất hơn 200m², nay là thửa 2080 đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ân, bà C. Do ông Ân, bà C không có tiền làm nhà, nên anh N, anh N1 mỗi người góp 300.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng để làm nhà, để tránh những tranh chấp về sau gia đình đã lập Văn bản thỏa thuận gia đình ngày 16/4/2010 có nội dung thỏa thuận về việc anh N1, anh N bỏ ra số tiền 600.000.000 đồng để xây nhà.

Việc ông Á, bà C thế chấp thửa đất và ngôi nhà để vay tiền thì anh N và anh N1 không biết nên đã xâm phạm đến quyền lợi của các anh. Do đó, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Đình N1 yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1528600059/HĐTC-QSĐĐ ngày 14/10/2015 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 – Chi nhánh Q1 với ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C là vô hiệu và yêu cầu ông Á, bà C trả lại ngôi nhà cho anh N, anh N1; yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N và anh N1 có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập nhưng sau khi nhận được Thông báo nộp tạm ứng án phí của Tòa án thì anh N và anh N1 không nộp tiền tạm ứng án phí và giao biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án nên Tòa án đã có thông báo trả lại đơn khởi kiện độc lập, các anh không có ý kiến gì về việc Tòa án trả lại đơn khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Hồng T3 có văn bản trình bày:* Chị là vợ của anh Nguyễn Đình N1. Vợ chồng chị sống cùng cha mẹ chồng (ông Á, bà C) trên thửa đất 2080. Chị không có công sức đóng góp hay có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất. Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Châu Hồng Q và chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1.

1.1. Buộc ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền tính đến ngày 28/3/2023 là 610.434.029 đồng (Sáu trăm mười triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 360.692.559 đồng, nợ lãi trong hạn là 150.001.868 đồng, lãi quá hạn là 99.739.602 đồng, theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/06/2018 được ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C.

1.2. Kể từ ngày 29/3/2023, ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/06/2018 cho đến khi trả xong nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần

Đ1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 10, diện tích 211m² tại xã T, huyện S, (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 476121, số vào sổ cấp GCN: CH 00510 do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 09/02/2011 cho ông Nguyễn Quốc Â, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1528600059/HĐTC-QSĐĐ ngày 14/10/2015 được ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 12/4/2023, bị đơn là ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của TAND thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Công T1, bị đơn là ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N2, chị Lê Thị Hồng T3, ông Châu Hồng Q và người làm chứng là ông Đặng Văn H (tên gọi khác là N3) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố

tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 73, 77, 78 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn N; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Â và bà Nguyễn Thị C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí và chi phí tố tụng khác, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 29/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên án vụ án nêu trên. Ngày 12/4/2023, bị đơn là ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo. Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn N là hợp lệ, nên được chấp nhận.

[1.2] Anh Nguyễn Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo nhưng tại phiên tòa ngày 13/9/2023 anh N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh N là người kháng cáo nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì coi như đã tự từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn N.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Do nhu cầu vay vốn để kinh doanh nên ngày 14/10/2015, ông Nguyễn Quốc Á và bà Nguyễn Thị C có vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1528600059/HĐTD-TDH đến ngày 29/6/2018 ông Á, bà C đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tất toán xong khoản vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1528600059/HĐTD-TDH, ngày 14/10/2015 cho Ngân hàng.

Ngày 29/6/2018, Ngân hàng tiếp tục cho ông Á, bà C vay số tiền 370.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 29/6/2018 đến ngày 29/6/2028, kỳ hạn trả nợ: Gốc, lãi trả hàng tháng, lãi suất cho vay hiện tại là 10%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần vào đầu mỗi quý được xác định như sau: Lãi suất VNĐ kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lãi cuối kỳ với khách hàng cá nhân + Biên độ lãi suất tối thiểu 3,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay vốn để sửa chữa nhà.

Các đương sự đều thừa nhận vào ngày 29/6/2018, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 và ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C có ký Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, không bị ép buộc và đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật đối với các bên.

[2.2] Xét các giấy tờ sửa chữa nhà là Đơn xin xác nhận (bút lục 95), Hợp đồng thi công trọn gói ngày 15/5/2018 (bút lục 94), bảng dự trù kinh phí sửa chữa nhà ngày 15/5/2018 (bút lục 93), giấy nhận tiền ngày 15/5/2018 (bút lục 92), giấy nhận tiền tháng 6/2018 (bút lục 90), biên bản xác nhận công nợ ngày 28/6/2018 (bút lục 89) thì ông Á, bà C đều thừa nhận các chữ ký trong các giấy tờ sửa chữa này là của ông, bà. Việc ký kết các giấy tờ sửa chữa nhà này giữa bị đơn là ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Châu Hồng Q là do các bên tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm pháp luật nên có giá trị ràng buộc đối với các bên.

[2.3] Tại giấy nhận nợ ngày 29/6/2018 (bút lục 101) thể hiện Ngân hàng đã giải ngân vốn vay một lần đối với số tiền 370.000.000 đồng cho ông Nguyễn Quốc Á và bà Nguyễn Thị C bằng hình thức chuyển tiền vào số tài khoản 43200014657682 của ông Châu Hồng Q. Ông Á, bà C đã ký tên điểm chỉ vào mục bên được cấp tín dụng trong giấy nhận nợ. Theo biên bản xác nhận thanh toán tiền giữa 03 bên gồm bên A (bên chủ nhà là ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C), bên B (bên chủ thầu là ông Châu Hồng Q) và bên C (bên cho vay tiền đại diện S) xác nhận bên B đã thanh toán cho bên A số tiền 370.000.000

đồng, biên bản này có chữ ký của ông Châu Hồng Q, bà Nguyễn Thị C và đại diện Ngân hàng (bút lục 99). Đồng thời, tại Ủy nhiệm chi ngày 29/6/2018 (bút lục 247) bà Nguyễn Thị C đồng ý chuyển toàn bộ số tiền 370.000.000 đồng vào tài khoản của ông Châu Hồng Q với nội dung thanh toán tiền, bà C đã ký tên vào Ủy nhiệm chi này. Như vậy, việc ngân hàng chuyển tiền vào số tài khoản của ông Châu Hồng Q để thanh toán tiền là thực hiện theo đúng yêu cầu của ông Á, bà C, phù hợp với mục đích vay tiền để sửa chữa nhà theo Hợp đồng tín dụng số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/6/2018.

[2.4] Quá trình giao kết hợp đồng đã thực hiện xong, Ngân hàng đã chuyển đầy đủ số tiền 370.000.000 đồng vào tài khoản của ông Châu Hồng Q theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị C là hoàn toàn đúng pháp luật, các bên không có ý kiến phản đối về việc bị lừa dối hoặc bị đe dọa hay cưỡng ép, do vậy hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật theo Điều 94 của Luật tổ chức tín dụng nên cần được pháp luật bảo vệ. Việc ông Nguyễn Quốc Á và bà Nguyễn Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của mình được quy định trong hợp đồng đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Á và bà C công nhận toàn bộ chữ ký của ông, bà trong hồ sơ vay vốn là đúng nên ông, bà phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng

[2.5]. Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm nợ vay, ông Á, bà C đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 10, diện tích 211m² và nhà ở gắn liền với đất tại xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 476121, số vào sổ cấp GCN: CH 00510 do UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 09/02/2011 đứng tên ông Nguyễn Quốc Á tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF 1528600059/HĐTC-QSDĐ ngày 14/10/2015, được công chứng tại phòng C1 tỉnh Quảng Ngãi và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q – Chi nhánh thành phố Q1 vào ngày 14/10/2015.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF 1528600059/HĐTC-QSDĐ ngày 14/10/2015 quy định tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 2080, tờ bản đồ số 10, diện tích 211m² tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 476121, số vào sổ cấp GCN: CH 00510 do UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 09/02/2011 cho ông Nguyễn Quốc Á.

[2.6] Mặt khác, vào ngày 31/5/2018, giữa ông Nguyễn Quốc Â và bà Nguyễn Thị C với đại diện Ngân hàng TMCP Đ1 có lập Văn bản thỏa thuận về giá số 81/2018/SBQN-PGD TQT, theo đó các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 576.000.000 đồng (bút lục 96). Cùng ngày 31/5/2018, ông Â và bà C có Cam kết áp dụng cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất theo đó ông Â, bà C cam kết ngôi nhà cấp IV và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 476121 do UBND huyện S cấp ngày 09/02/2011 cho ông Nguyễn Quốc Â thuộc quyền sở hữu của ông Â, bà C và thuộc tài sản bảo đảm (bút lục 97).

[2.7] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số REF 1528600059/HĐTC-QSĐĐ ngày 14/10/2015, Văn bản thỏa thuận về giá và Cam kết áp dụng cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất là do các bên tự nguyện thỏa thuận và được lập bằng văn bản. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật theo Điều 502, Điều 503 Bộ luật dân sự; điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai, Điều 81 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Vì vậy, bản án sơ thẩm tuyên trong trường hợp ông Â và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp ở trên để thu hồi nợ là phù hợp với Điều 321 Bộ luật dân sự.

[2.8] Ông Nguyễn Quốc Â và bà Nguyễn Thị C cho rằng ông, bà ký tên trong Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/6/2018 là để bổ sung đối với Hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng năm 2015 nên khoản tiền vay 370.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/6/2018 là tiền vay từ Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1528600059/HĐTD-TDH ngày 14/10/2015 chuyển sang; ông Â, bà C cũng không nhận tiền mà Ngân hàng tự ý chuyển số tiền vay 370.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Châu Hồng Q nên Ngân hàng phải yêu cầu ông Châu Hồng Q trả nợ, chứ ông Â, bà C không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/6/2018 không có điều khoản nào thể hiện Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/06/2018 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Â, bà C là để thay thế nghĩa vụ của ông Â, bà C tại Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1528600059/HĐTD-TDH ngày 14/10/2015, số tiền vay giữa hai hợp đồng là khác nhau, tại thời điểm tất toán

hợp đồng tín dụng năm 2015 là 355.140.000 đồng, còn Hợp đồng tín dụng năm 2018 tiền vay là 370.000.000 đồng, nên lời trình bày trên của ông Á, bà C là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Quốc Á có đơn xin tố cáo Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh Q1 và ông Châu Hồng Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 370.000.000 đồng của gia đình ông và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án này sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q (bút lục 320). Ngày 12/12/2021, TAND thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 598/CV-TA chuyển toàn bộ hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q (bút lục 322). Tại Thông báo số 380/TB-ĐTTH ngày 09/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q thông báo về việc không khởi tố hình sự (bút lục 323, 324).

[3]. Từ những phân tích và nhận định trên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Quốc Á và bà Nguyễn Thị C.

[4]. Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C phải chịu 28.417.361 đồng (*Hai mươi tám triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*).

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Á, bà Nguyễn Thị C nên ông Á, bà C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Á, bà C đã nộp theo Biên lai số 0004645 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Nguyễn Văn N đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0004646 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[5]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Văn N.
- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 147, 148, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, điểm c khoản 2 Điều 324, 351, 401, 463, Điều 465; Điều 466; Điều 468, Điều 502, Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 167, khoản 1 Điều 168, khoản 2 Điều 170, 188 của Luật Đất đai; Điều 81 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1.

1.1. Buộc ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền tính đến ngày 28/3/2023 là 610.434.029 đồng (*Sáu trăm mười triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc là 360.692.559 đồng, nợ lãi trong hạn là 150.001.868 đồng, lãi quá hạn là 99.739.602 đồng, theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/06/2018 được ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C.

1.2. Kể từ ngày 29/3/2023, ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số REF 1812800007/HĐTD-TDH ngày 29/6/2018 cho đến khi trả xong nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2080, tờ bản đồ số 10, diện tích 211m² tại xã T, huyện S, (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 476121, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00510 do Ủy ban

nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 09/02/2011 cho ông Nguyễn Quốc Â, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số REF1528600059/HĐTC-QSĐĐ ngày 14/10/2015 được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 với ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C phải chịu 28.417.361 đồng (*Hai mươi tám triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng án phí 10.536.255 đồng (*Mười triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0005003 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quốc Â, bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Â, bà C đã nộp theo biên lai số 0004645 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền anh Nguyễn Văn N đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0004646 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Dũng